

$\frac{1}{4}$

21.	Khai th c , c t, s i, t s t	0810
22.	S n t g d n, g l ng, n p n m ng kh c	1621
23.	S n t g d ng	1622
24.	S n t bao b b ng g	1623
25.	S n t s nph m kh c t g ; s n t s nph m t tre, n a, r m, r t li t t b n	1629
26.	S n t t li d ng t t s t	2392
27.	S n t b t ng c c s nph m t b t ng, i m ng th ch cao	2395
28.	Gia c ng c kh ; l tr ng ph kim lo i	2592
29.	V n t i h nh kh ch ng b trong n i th nh, ngo i th nh (tr n t i b ng e b t)	4931
30.	V n t i h nh kh ch ng b kh c	4932
31.	V n t i h ng h a b ng ng b	4933
32.	Kho b i l gi h ng h a	5210
33.	Ho t ng d ch h tr tr c ti p cho n t i ng s t	5221
34.	B c ph ng h a	5224
35.	Ho t ng d ch h tr tr c ti p cho n t i ng b	5225
36.	D ch l tr ng n ng	5510
37.	Nh h ng c c d ch n ng ph c l ng	5610(Chính)
38.	C ng c p d ch n ng theo h p ng kh ng th ng n i kh ch h ng	5621
39.	D ch n ng kh c	5629
40.	D ch ph c ng	5630
41.	Cho th m m c, thi t b d ng h h nh kh c kh ng k m ng i i khi n	7730
42.	S a ch a m m c, thi t b	3312
43.	Khai th c, l c ng c p n c	3600
44.	Tho t n c l n c th i	3700
45.	Th gom r c th i kh ng c h i	3811
46.	Th gom r c th i c h i	3812
47.	X l ti h r c th i kh ng c h i	3821
48.	X d ng nh	4101
49.	X d ng nh kh ng	4102
50.	X d ng c ng tr nh ng s t	4211
51.	X d ng c ng tr nh ng b	4212
52.	X d ng c ng tr nh i n	4221
53.	X d ng c ng tr nh c p, tho t n c	4222
54.	X d ng c ng tr nh i n th ng, th ng tin li n l c	4223
55.	X d ng c ng tr nh c ng ch kh c	4229

56.	X d n g c n g tr nh th	4291
57.	X d n g c n g tr nh khai kho ng	4292
58.	X d n g c n g tr nh ch bi n, ch t o	4293
59.	X d n g c n g tr nh k th t d n d n g kh c	4299
60.	Ph d	4311
61.	Ch n b m t b ng	4312
62.	L p t h th ng i n	4321
63.	B n l ng kim, s n, k nh thi t b l p t kh c trong d n g trong c c c a h ng ch n doanh	4752
64.	B n l i n gia d n g, gi ng, t , b n, gh n i th t t ng t , n b n i n, d n g gia nh kh c ch a c ph n o trong c c c a h ng ch n doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VN

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUY N TH HOA HUY N	Vi t Nam	S 18 H a nh, Ph ng V C ng, Th nh ph B c Ninh, T nh B c Ninh, Vi t Nam	1.300.000.000	52,000	027182001138	
2	NGUY N TI N T N	Vi t Nam	S 18 H a nh, Ph ng V C ng, Th nh ph B c Ninh, T nh B c Ninh, Vi t Nam	1.150.000.000	46,000	027078000695	
3	NGUY N QUY N ANH	Vi t Nam	S 18 H a nh, Ph ng V C ng, Th nh ph B c Ninh, T nh B c Ninh, Vi t Nam	50.000.000	2,000	027203000329	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ t n: NGUY N TH HOA HUY N

Gi i t nh: Nữ

Ch c danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 14/08/1982

D n t c: Kinh

Q c t ch: Việt Nam

Lo i gi t ph p l c a c nh n: *Thẻ căn cước công dân*

S gi t ph p l c a c nh n: 027182001138

Ng c p: 27/02/2021

N i c p: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

a ch th ng tr : *Số 18 Hòa Đình, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

a ch li n l c: *Số 18 Hòa Đình, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Ph ng ng k kinh doanh T nh B c Ninh